

Thực trạng nguồn lực lao động và vấn đề việc làm cho lao động hiện nay ở Việt Nam

Phan Thị Kim Xuyên
Trưởng Đại học Văn Hiến

Bài viết dựa trên nguồn số liệu thứ cấp thu thập được từ các cơ quan ban ngành nhằm nêu bật thực trạng nguồn lực lao động và vấn đề việc làm của lao động Việt Nam trong những năm vừa qua. Kết quả cho thấy mặc dù Việt Nam có nguồn lao động dồi dào nhưng chất lượng nguồn lao động của Việt Nam được đánh giá còn thấp và hạn chế thông qua trình độ chuyên môn kỹ thuật và tay nghề của lao động thấp. Từ đó, bài viết nêu một số đề xuất khuyến nghị góp phần nâng cao chất lượng nguồn lực lao động và tạo việc cho lao động Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập quốc tế.

1. Mở đầu

Tính đến hết năm 2017 dân số Việt Nam có hơn 93 triệu người, trong đó lực lượng trong độ tuổi lao động chiếm gần 60% dân số của cả nước. Điều này phản ánh nguồn nhân lực của Việt Nam đang phát triển dồi dào và nguồn lao động trẻ này chính là lợi thế của Việt Nam. Bên cạnh đó, Việt Nam là quốc gia đang phát triển, tốc độ dân số phát triển nhanh. Trong khi đó, việc mở rộng và phát triển kinh tế, giải quyết việc làm cho lao động gặp hạn chế như thiếu vốn sản xuất, lao động phân bố chưa hợp lý, tài nguyên chưa khai thác hợp lý... dẫn đến chênh lệch về cung và cầu lao động là rất lớn, tạo nên sức ép về giải quyết việc làm cho lao động. Ngoài ra, bên cạnh những lợi thế vốn có của nguồn nhân lực, lao động nước ta vẫn còn nhiều hạn chế nhất là đội ngũ nhân lực chất lượng cao, công nhân lành nghề vẫn còn rất thiếu so với nhu cầu xã hội để phát triển các ngành kinh tế chủ lực của Việt Nam. Ngân hàng Thế giới đánh giá Việt Nam đang thiếu lao động có trình độ tay nghề, công nhân kỹ thuật bậc cao. Trình độ ngoại ngữ của lao động Việt Nam chưa cao nên gặp nhiều khó khăn trong quá trình hội nhập. Những hạn chế, yếu kém của nguồn nhân lực là một trong những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Trên cơ sở đó, bài viết nhằm nêu thực trạng nguồn nhân lực nước ta và vấn đề việc làm cho lao động hiện nay.

2. Thực trạng nguồn nhân lực Việt Nam và vấn đề việc làm cho lao động hiện nay

Việt Nam là quốc gia có nguồn lao động dồi dào. Theo số liệu từ Tổng Cục thống kê tính đến hết năm 2017 dân số Việt Nam có 93.671.600 người, trong đó lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đạt 54.823.800 người, chiếm 58,52% trong tổng số dân số cả nước, tăng 394,9 nghìn người so với năm 2016. Trong đó, tỷ lệ lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc là 53.703.400

người, chiếm 57,4% dân số cả nước. Trong số 53,7 triệu lao động đang làm việc qua thống kê, bao gồm: Lao động nam chiếm 51,9%; lao động nữ chiếm 48,1%; lao động khu vực thành thị chiếm 32,2%; khu vực nông thôn chiếm 67,8%. Trong số lực lượng lao động trên có 73,29% có độ tuổi từ 15-49 tuổi, trong đó nhóm tuổi trẻ (15-29 tuổi) chiếm đến 24,61% và nhóm tuổi thanh niên (15-24 tuổi) chiếm 13,83%. Đây là nhóm tuổi có tiềm năng tiếp thu được những tri thức mới, kỹ năng mới để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng suất lao động của Việt Nam. Cơ cấu lao động đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ lệ lao động khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 47,1%; khu vực công nghiệp và xây dựng 20,8%; khu vực dịch vụ là 32,1%.

Bảng 1: Lực lượng lao động Việt Nam theo nhóm tuổi (nghìn người)

Năm	Độ tuổi			Tổng số
	15 - 24	25 - 49	50+	
2005	9.168,0	28.432,5	7.304,0	44.904,5
2006	9.727,4	29.447,7	7.063,6	46.238,7
2007	8.561,8	29.392,1	9.206,4	47.160,3
2008	8.734,3	29.973,4	9.501,9	48.209,6
2009	9.184,7	30.285,1	9.852,2	49.322,0
2010	9.245,4	30.939,2	10.208,3	50.392,9
2011	8.465,2	31.503,4	11.429,8	51.398,4
2012	7.887,8	32.014,5	12.445,7	52.348,0
2013	7.916,1	31.904,5	13.425,0	53.245,6
2014	7.585,2	32.081,0	4.081,8	53.748,0
2015	8.012,4	31.970,3	14.001,5	53.984,2
2016	7.510,6	32.418,3	14.516,4	54.445,3
2017	7.581,1	32.599,2	14.643,5	54.823,8

Nguồn: Tổng cục thống kê

Việt Nam có nguồn lao động dồi dào nhưng trình độ học vấn của lao động hầu hết ở mức cơ bản bản tức là ở mức giáo dục tiểu học và trung học cơ sở chiếm tỷ lệ cao, như ở Philipin tỷ lệ này là 68,4%, ở Indonesia là 58,5% và ở Việt Nam chiếm 53,1%. Tỷ lệ lao động có trình độ ở mức cao còn thấp. Đây là lao động có trình độ giáo dục đại học trở lên, tỷ lệ này ở

Việt Nam đạt 14,9 %, trong khi đó Singapore có tỷ lệ này cao nhất chiếm 51,5%, Phillipines đạt tỷ lệ 25,4% và Malaysia là 23,2%.

Bảng 2: Trình độ học vấn của lao động ở một số nước Đông Nam Á (tính đến 13/12/2016 (%))

Quốc gia	Dưới mức cơ bản	Mức cơ bản	Mức trung bình	Mức nâng cao	Mức không được nêu
Indonesia	3,8	58,5	27,4	10,3	0
Malaysia	3,1	31,8	41,9	23,2	0
Phillipines	1,5	68,4	4,7	25,4	0
Singapore	6,6	12,6	29,3	51,5	0
Thailand	25,7	41,7	19,4	12,6	0,6
Việt Nam	14,7	53,1	17,2	14,9	0,1

Nguồn: ILO, 2017

Bên cạnh đó, tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên ở nước ta hiện nay đã qua đảo tạo thấp. Lao động đã qua đảo tạo chi chiếm tỷ lệ tương đối thấp, dao động từ 14,6% - 21,4%. Điều này cho thấy tỷ lệ lao động không có trình độ chuyên môn kỹ thuật chiếm tỷ lệ rất cao và có xu hướng giảm không đáng kể. Cơ cấu đảo tạo học hiện còn bất hợp lý được thể hiện qua các tỷ lệ: Đại học và trên Đại học là 1, trung học chuyên nghiệp là 1,3 và công nhân kỹ thuật là 0,92; trong khi trên thế giới, tỷ lệ này là 1-4-10. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới (WB), Việt Nam đang rất thiếu lao động có trình độ tay nghề, công nhân kỹ thuật bậc cao và chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam cũng thấp hơn so với nhiều nước khác.

Bảng 3: Tỷ lệ lao động đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đảo tạo theo trình độ chuyên môn kỹ thuật

	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
TỔNG SỐ	15,4	16,6	17,9	18,2	19,9	20,6	21,4
Dạy nghề	4	4,7	5,3	4,9	5	5	5,3
Trung cấp chuyên nghiệp	3,7	3,6	3,7	3,7	3,9	3,9	3,7
Cao đẳng	1,7	1,9	2	2,1	2,5	2,7	2,7
Đại học trở lên	6,1	6,4	6,9	7,6	8,5	9	9,3

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Ngoài ra, chất lượng lao động ở Việt Nam cũng được đánh giá là thấp khi so sánh với các nước về hệ thống giáo dục, lao động chất lượng cao, tiếng anh và sự thành thạo công nghệ. Việt Nam thấp hơn hẳn so với Thái Lan, Phillipines, Malaysia, Trung Quốc, Hàn Quốc. Trong đó, yếu tố ngoại ngữ (tiếng anh) là một tiêu chí quan trọng mà lao động cần phải đáp ứng trong quá trình học tập nghề. Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới (World Bank), thì nước ta đang rất thiếu lao động có trình độ tay nghề, công nhân kĩ thuật bậc cao và chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam cũng thấp hơn nhiều so với các nước khác.

Như phân tích nêu trên cho thấy Việt Nam là quốc gia có nguồn lao động dồi dào. Đồng thời nền kinh tế Việt Nam đã đạt tốc độ tăng trưởng khá ổn định trong những năm vừa qua, góp phần thu hút và tạo việc làm cho lao động, song tình trạng thiếu việc làm vẫn lớn. Nguyên nhân có rất nhiều nhưng chủ yếu phải kể đến do quá trình toàn cầu hóa đòi hỏi lao động phải có kỹ năng trình độ, những công việc cần lao động có tay nghề thấp, công việc giản đơn có nguy cơ bị thay thế

và lao động có nguy cơ bị mất việc làm cao. Lao động Việt Nam phần lớn có tay nghề, trình độ thấp, chủ yếu là lao động giản đơn, chất lượng lao động khi so sánh với các nước chưa cao. Ngoài ra, dân số tăng nhanh dẫn đến việc phân bố dân cư không hợp lý, không gắn kết được lao động với các nguồn lực khác như đất đai, vốn tài nguyên thiên nhiên.

Bảng 4: Tỷ lệ thất nghiệp của lao động năm 2017

Khu vực	Tổng số	Nam	Nữ
Thế giới	5,5	5,1	6
ASEAN	2,7	2,8	2,6
Campuchia	0,2	0,2	0,2
Indonesia	4,2	4,3	3,9
Lào	0,7	0,7	0,6
Malaysia	3,4	3,1	3,9
Thái Lan	1,1	1	1,1
Việt Nam	2,1	2,2	1,9

Nguồn: ILO

So với thế giới, Việt Nam thuộc diện có tỉ lệ thất nghiệp thấp, tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi năm 2017 là 2,1%, trong đó tỷ lệ thất nghiệp của nam là 2,2% và của nữ là 1,9%, trong khi tỷ lệ thất nghiệp bình quân của thế giới là 5,5% và của ASEAN là 2,7%. Bên cạnh đó, số liệu từ Tổng cục thống kê cho thấy năm 2017 tỷ lệ thiếu việc làm của cả nước là 1,62%. Có thể nhận thấy chất lượng lao động ở nước ta còn nhiều hạn chế nên tình trạng thiếu việc làm và thất nghiệp còn diễn ra phổ biến, trong đó phải kể đến là tỷ lệ lao động chưa qua đảo tạo còn cao, lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao còn ít, lao động trong ngành nông lâm ngư nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất và xu hướng giảm tỉ trọng lao động nông, lâm, ngư nghiệp; tăng tỉ trọng lao động công nghiệp, xây dựng và dịch vụ nhưng còn diễn ra chậm.

Ngoài ra, theo số liệu Báo cáo điều tra lao động việc làm quý 1/2018 của Tổng cục thống kê, Đến quý 1 năm 2018, trong tổng lực lượng lao động cả nước có gần 788,9 nghìn lao động thiếu việc làm và gần 1,1 triệu lao động thất nghiệp. Khác biệt giới về thị phần lao động thiếu việc là không đáng kể, (nam thiếu việc làm chiếm 53,9% trong khi nữ thiếu việc làm là 46,1% trong tổng số lao động thiếu việc làm cả nước). Trái lại, tình trạng thất nghiệp lại được quan tâm hơn ở khu vực thành thị. Mặc dù, tỷ trọng lao động thất nghiệp thành thị hiện thấp hơn, chỉ chiếm khoảng 47,5% tổng số lao động thất nghiệp cả nước. Hơn nữa, kết quả điều tra lao động việc làm quý 1 năm 2018 cũng cho thấy nam thất nghiệp là đông hơn so với nữ, (chiếm 50,2% và 49,8% trong tổng số lao động thất nghiệp cả nước).

Bảng 5: Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên đã qua đảo tạo CMKT từ 3 tháng trở lên chia theo trình độ đảo tạo, quý 1/2018 (%)

Trình độ CMKT	Toàn quốc	Nam	Nữ	Thành thị	Nông thôn
Tổng số	11,26	10,22	12,17	11,14	11,36
Sơ cấp nghề	2,93	3,57	0,35	2,7	3,1
Trung cấp	11,59	9,4	13,55	9,19	13,07
Cao đẳng	11,82	9,88	13,2	11,75	11,87
Đại học trở lên	13,83	16,81	12	13,99	13,6

Nguồn: Tổng cục thống kê

Trong Quý 1 năm 2018, tỷ lệ thất nghiệp chung của thanh niên đã qua đào tạo CMKT từ 3 tháng trở lên đạt 11,3%, trong đó mức độ thất nghiệp ở nữ thanh 18 niên là cao hơn so với ở nam thanh niên (12,2% so với 10,2%). Tương tự, khác biệt giữa thành thị và nông thôn vẫn tồn tại nhưng không đáng kể (11,1% so với 11,4% theo luân tự). Đáng chú ý là mức độ thất nghiệp thanh niên tăng dần theo trình độ CMKT đạt được, nghĩa là với những thanh niên có trình độ CMKT cao thì tình trạng thất nghiệp của họ càng cần được lưu tâm hơn. Cụ thể, tỷ lệ thất nghiệp thanh niên trình độ cao đẳng, và đại học trở lên hiện là khoảng 11,8% và 13,8%. Trong khi tỷ lệ này là thấp hơn đáng kể cho nhóm thanh niên có trình độ sơ cấp (chỉ khoảng 2,9%). Điều này có thể do thanh niên có trình độ CMKT cao (cao đẳng, đại học và trên đại học) tuổi chỉ từ 20 đến 24, vừa tốt nghiệp, chưa có đủ kinh nghiệm nên khó khăn trong tìm việc làm trình độ phù hợp.

3. Kết luận và đề xuất kiến nghị

Việt Nam đang trong quá trình hội nhập và phát triển nền kinh tế nên đòi hỏi lao động phải có trình độ chuyên môn kỹ thuật nhất định nhằm đáp ứng yêu cầu đặt ra của thị trường lao động. Trên cơ sở các quy định của pháp luật về việc làm, Chính phủ cũng đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách cụ thể liên quan đến quyền có việc làm của người lao động và quyền tuyển dụng lao động của người sử dụng lao động, đảm bảo hài hoà quyền lợi và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ lao động. Để nâng cao chất lượng nguồn lực lao động và tạo việc làm cho lao động trong giai đoạn hiện nay, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị như sau:

Việt Nam cần dành sự đầu tư lớn hơn để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, vì đây là yếu tố then chốt đưa Việt Nam vượt khỏi ngưỡng nước có thu nhập trung bình trong những năm tới. Đầu tư mạnh mẽ cho phát triển lực lượng lao động có kỹ năng thông qua nâng cao chất lượng đào tạo nghề, cùng với cơ chế, chính sách sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực.

Nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của dạy nghề trong chiến lược phát triển nhân lực của đất nước, hoàn thiện cơ chế, chính sách về dạy nghề, học nghề; Đổi mới cơ cấu hệ thống dạy nghề trên cơ sở khung trình độ quốc gia, tiêu chuẩn kỹ năng nghề phù hợp với đất nước, xu thế các nước trong khu vực và trên thế giới; gắn kết giữa dạy nghề với thị trường lao động và sự tham gia của doanh nghiệp, phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động

Nhà nước chú trọng đầu tư phát triển các ngành nghề, lĩnh vực tạo việc làm, khuyến khích và thu hút nhiều lao động tham gia. Đẩy mạnh thu thập, cập nhật và phân tích thông tin thị trường lao động và thông tin về tình hình biến động, nhu cầu việc làm tại các doanh nghiệp; nâng cao chất lượng dự báo thị trường lao động trong ngắn hạn và dài hạn nhằm cung cấp các thông tin về cơ hội việc làm, vị trí làm việc, nhu

cầu việc làm của doanh nghiệp, các khoá đào tạo... giúp người lao động lựa chọn và quyết định học nghề, tiếp cận việc làm phù hợp;

Bản thân người lao động phải có kế hoạch học tập, tự nâng cao bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng được yêu cầu đặt ra của công việc trong tình hình hiện nay./.

Tài liệu tham khảo

ADB & ILO, (2014) " ASEAN Community 2015: Managing integration for better jobs and shared prosperity"

Nguyễn Quốc Việt, Nguyễn Minh Tháo (2012) "Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua phát triển kỹ năng lao động và vai trò của giáo dục phổ thông", Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế và Kinh doanh 28 (2012) 185#192.

Phạm Văn Khánh (2012) "Trọng dụng nhân tài giáo dục để đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới" Tạp chí dân số Việt Nam, số 9(126)/2012

Dương Ngọc Thành, Nguyễn Minh Hiếu (2014) "Thực trạng lao động và việc làm nông thôn Việt Nam" Tạp chí khoa học Trường ĐH Cần Thơ, số 30 , 2014 P42-50.